

THÔNG TƯ

**Hướng dẫn kế toán khi chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước
thành Công ty cổ phần**

- Căn cứ Luật Kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/06/2003;
- Căn cứ Nghị định số 109/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành Công ty cổ phần;
- Căn cứ Thông tư số 146/2007/TT-BTC ngày 06/12/2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số vấn đề về tài chính khi chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành Công ty cổ phần theo quy định tại Nghị định số 109/2007/NĐ-CP ngày 26/06/2007 của Chính phủ;
- Căn cứ Quyết định số 09/2008/QĐ-BTC ngày 31/01/2008 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Quy chế quản lý và sử dụng Quỹ Hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp tại các Tập đoàn, Tổng công ty Nhà nước, Công ty mẹ;

Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán khi chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành Công ty cổ phần, như sau:

PHẦN A. QUI ĐỊNH CHUNG

1. Thông tư này chỉ áp dụng cho các đối tượng thực hiện cổ phần hoá theo quy định tại Điều 2 Nghị định số 109/2007/NĐ-CP.

2. Thông tư này chỉ hướng dẫn kế toán khi chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành Công ty cổ phần, những nội dung kế toán không hướng dẫn trong Thông tư này thì thực hiện theo chế độ kế toán hiện hành.

3. Khi nhận được quyết định cổ phần hoá của cơ quan có thẩm quyền, doanh nghiệp có trách nhiệm tổ chức kiểm kê, phân loại tài sản doanh nghiệp đang quản lý, sử dụng tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp, xử lý các vấn đề về tài chính đến thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp và lập Báo cáo tài chính tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp.

4. Căn cứ vào giá trị doanh nghiệp cổ phần hoá đã được cơ quan có thẩm quyền quyết định, doanh nghiệp có trách nhiệm điều chỉnh số liệu trong sổ kế toán; bảo quản và bàn giao các khoản nợ và tài sản đã loại trừ khi xác định giá trị doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 14 và khoản 2 Điều 15 Nghị định số 109/2007/NĐ-CP; lập báo cáo tài chính doanh nghiệp giai đoạn từ thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp đến thời điểm doanh nghiệp chính thức chuyển thành công ty cổ phần. Trường hợp thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp là năm trước, thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần là năm sau thì doanh nghiệp có thể chỉ lập một báo cáo tài chính của cả thời kỳ, không

cần tách riêng hai báo cáo ở thời điểm ngày 31/12 và ở thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần.

5. Căn cứ quyết định điều chỉnh giá trị doanh nghiệp tại thời điểm đăng ký kinh doanh chuyển thành công ty cổ phần và ý kiến chỉ đạo của Ban chỉ đạo cổ phần hoá, doanh nghiệp điều chỉnh sổ kế toán, lập hồ sơ bàn giao và tổ chức bàn giao giữa doanh nghiệp và công ty cổ phần.

6. Khi nhận tài sản, nguồn vốn bàn giao từ doanh nghiệp cổ phần hoá, Công ty cổ phần phải mở sổ kế toán mới để phản ánh giá trị tài sản, nguồn vốn nhận bàn giao.

PHẦN B. QUY ĐỊNH CỤ THỂ

I. HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN TẠI DOANH NGHIỆP 100% VỐN NHÀ NƯỚC TRƯỚC KHI CHUYỂN THÀNH CÔNG TY CỔ PHẦN

1. Kế toán kết quả kiểm kê tài sản:

Khi nhận được thông báo hoặc quyết định cổ phần hóa của cơ quan có thẩm quyền, doanh nghiệp cổ phần hoá có trách nhiệm kiểm kê, phân loại tài sản doanh nghiệp đang quản lý, sử dụng tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp.

a). Trường hợp phát sinh thiếu:

Căn cứ vào Báo cáo kết quả kiểm kê tài sản tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp, kế toán phản ánh giá trị tài sản phát hiện thiếu qua kiểm kê, ghi:

- Trường hợp thiếu tiền, vật tư, hàng hoá, ghi:

Nợ TK 1381 - Tài sản thiếu chờ xử lý

Có các TK 111, 152, 155, 156 ...

- Trường hợp thiếu TSCĐ, ghi:

Nợ TK 1381 - Tài sản thiếu chờ xử lý (Giá trị còn lại)

Nợ TK 214 - Hao mòn TSCĐ (Giá trị hao mòn lũy kế)

Có TK 211 - TSCĐ hữu hình (Nguyên giá).

b). Trường hợp phát sinh thừa:

- Trường hợp thừa tiền: Căn cứ vào Báo cáo kết quả kiểm kê tiền tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp, kế toán phản ánh giá trị tiền thừa qua kiểm kê, ghi:

Nợ các TK 111, 112 ...

Có TK 3381 - Tài sản thừa chờ giải quyết.

- Trường hợp thừa tài sản: Kế toán ghi Nợ TK 002- Vật tư, hàng hoá nhận giữ hộ, nhận gia công (Chi tiết tài sản phát hiện thừa qua kiểm kê chờ xử lý). Kế toán ghi Có TK 002 và ghi vào các tài khoản có liên quan trong Bảng Cân đối kế toán sau khi đã tìm hiểu nguyên nhân và có quyết định xử lý của cấp có thẩm quyền.

2. Kế toán xử lý tài sản thừa, thiếu trong kiểm kê:

Doanh nghiệp phải phân tích làm rõ nguyên nhân của tài sản thừa, thiếu và xác định trách nhiệm của tổ chức, cá nhân để xử lý bồi thường trách nhiệm

vật chất theo quy định hiện hành. Giá trị tài sản thiếu sau khi trừ các khoản bồi thường được ghi nhận vào giá vốn hàng bán đối với vật tư, hàng hoá thiếu và ghi nhận vào chi phí khác đối với giá trị còn lại của TSCĐ.

- Đối với tài sản thiếu phát hiện qua kiểm kê, căn cứ vào “ Biên bản xử lý tài sản thừa, thiếu qua kiểm kê”, ghi:

Nợ TK 111 - Tiền mặt (cá nhân, tổ chức nộp tiền bồi thường)

Nợ TK 1388 - Phải thu khác (cá nhân, tổ chức phải nộp tiền bồi thường)

Nợ TK 334 - Phải trả người lao động (Nếu trừ lương của người lao động phạm lỗi)

Nợ TK 632- Giá vốn hàng bán (phần hao hụt, mất mát còn lại đối với vật tư, hàng hoá phải tính vào tổn thất của doanh nghiệp)

Nợ TK 811 - Chi phí khác (phần giá trị còn lại của TSCĐ thiếu qua kiểm kê phải tính vào tổn thất của doanh nghiệp)

Có TK 1381 - Tài sản thiếu chờ xử lý.

- Đối với tài sản phát hiện thừa qua kiểm kê, căn cứ vào “ Biên bản xử lý tài sản thừa, thiếu qua kiểm kê”, ghi:

Nợ TK 3381 - Tài sản thừa chờ giải quyết

Có TK 331- Phải trả cho người bán (Nếu tài sản thừa của người bán)

Có TK 338 - Phải trả, phải nộp khác (3388) (Tài sản thừa của đối tượng khác)

Có TK 411 - Nguồn vốn kinh doanh (Đối với tài sản thừa không xác định được nguyên nhân và không tìm được chủ sở hữu).

Trường hợp tài sản thừa không phải là tiền thì đồng thời ghi đơn bên Có TK 002.

3. Kế toán nhượng bán, thanh lý tài sản không cần dùng, tài sản ứ đọng, tài sản chờ thanh lý

Đối với các tài sản không cần dùng, tài sản ứ đọng, tài sản chờ thanh lý sau khi được chấp thuận bằng văn bản của cơ quan quyết định cổ phần hoá, doanh nghiệp tổ chức nhượng bán, thanh lý theo quy định hiện hành. Kế toán phải theo dõi, hạch toán số thu, chi phí và ghi giảm tài sản, cụ thể như sau:

- Phản ánh số thu về nhượng bán, thanh lý TSCĐ không cần dùng, TSCĐ chờ thanh lý, ghi:

Nợ các TK 111, 112, 131

Có TK 3331 - Thuế GTGT phải nộp (nếu có)

Có TK 711 - Thu nhập khác.

- Phản ánh số thu về nhượng bán hàng tồn kho ứ đọng, không cần dùng, ghi:

Nợ các TK 111, 112, 131

Có TK 3331 - Thuế GTGT phải nộp

Có TK 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

- Phản ánh chi phí về nhượng bán, thanh lý TSCĐ không cần dùng, TSCĐ chờ thanh lý, ghi:

Nợ TK 811 - Chi phí khác

Nợ TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ (Nếu có)

Có các TK 111, 112, 331.

- Phản ánh giảm TSCĐ đã nhượng bán, thanh lý, ghi:

Nợ TK 811 - Chi phí khác (Giá trị còn lại)

Nợ TK 214 - Hao mòn TSCĐ

Có TK 211 - TSCĐ hữu hình.

- Phản ánh giá vốn hàng tồn kho ứ đọng, không cần dùng đưa đi nhượng bán, thanh lý, ghi:

Nợ TK 632 - Giá vốn hàng bán

Có các TK 152, 153, 154, 155, 156.

4. Kế toán chuyển giao vật tư, tài sản không cần dùng, tài sản ứ đọng, tài sản chờ thanh lý chưa được xử lý cho tập đoàn, tổng công ty nhà nước, công ty mẹ, công ty nhà nước độc lập khác:

- Trường hợp doanh nghiệp chuyển giao vật tư, hàng hoá không cần dùng, ứ đọng, chờ thanh lý chưa được xử lý cho tập đoàn, tổng công ty nhà nước, công ty mẹ, công ty nhà nước độc lập khác, ghi:

Nợ TK 411 - Nguồn vốn kinh doanh

Có các TK 152, 153, 155.

- Trường hợp doanh nghiệp chuyển giao tài sản cố định không cần dùng, chờ thanh lý cho tập đoàn, tổng công ty nhà nước, công ty mẹ, công ty nhà nước độc lập khác, ghi:

Nợ TK 411 - Nguồn vốn kinh doanh

Nợ TK 214 - Hao mòn TSCĐ

Có TK 211 - TSCĐ hữu hình.

5. Kế toán chuyển giao tài sản là các công trình phúc lợi

- Trường hợp chuyển giao nhà ở cán bộ, công nhân viên đầu tư bằng nguồn Quỹ phúc lợi của doanh nghiệp cho cơ quan nhà đất của địa phương để quản lý, kế toán ghi:

Nợ TK 4313 - Quỹ phúc lợi đã hình thành TSCĐ (Giá trị còn lại)

Nợ TK 214 - Hao mòn TSCĐ (Giá trị hao mòn)

Có TK 211 - TSCĐ hữu hình (Nguyên giá).

- Đối với tài sản là công trình phúc lợi được đầu tư bằng nguồn vốn nhà nước, nếu doanh nghiệp cổ phần hoá tiếp tục sử dụng cho mục đích kinh doanh thì kế toán ghi như sau:

Nợ TK 466 - Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định

Có TK 411 - Nguồn vốn kinh doanh.

6. Kế toán xử lý nợ phải thu khó đòi trước khi xác định giá trị doanh nghiệp để chuyển thành Công ty cổ phần

a) Đối với các khoản nợ phải thu đã có đủ căn cứ chứng minh theo qui định là không có khả năng thu hồi được, kế toán căn cứ các chứng từ có liên

quan như quyết định xóa nợ, quyết định xử lý trách nhiệm tổ chức, cá nhân phải bồi thường, ghi:

Nợ các TK 111, 112, 331, 334 (Phần tổ chức, cá nhân phải bồi thường)

Nợ TK 139 - Dự phòng phải thu khó đòi (Phần đã lập dự phòng)

Nợ TK 642 - Chi phí quản lý doanh nghiệp (Phần được tính vào chi phí)

Có các TK 131, 138,...

b) Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn được bán cho Công ty Mua bán nợ và tài sản tồn đọng của doanh nghiệp theo giá thỏa thuận, tùy từng trường hợp thực tế, kế toán ghi nhận như sau:

- Trường hợp khoản phải thu quá hạn chưa được lập dự phòng phải thu khó đòi, ghi:

Nợ các TK 111, 112 (Theo giá bán thỏa thuận)

Nợ TK 642 - Chi phí quản lý doanh nghiệp (Phần tổn thất còn lại từ việc bán nợ)

Có các TK 131, 138,...

- Trường hợp khoản phải thu quá hạn đã lập dự phòng phải thu khó đòi nhưng số đã lập dự phòng không đủ bù đắp tổn thất khi bán nợ thì số tổn thất còn lại được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp, ghi:

Nợ các TK 111, 112 (Theo giá bán thỏa thuận)

Nợ TK 139 - Dự phòng phải thu khó đòi (Phần đã trích lập dự phòng cho các khoản nợ quá hạn này)

Nợ TK 642 - Chi phí quản lý doanh nghiệp (Phần tổn thất còn lại từ việc bán nợ)

Có các TK 131, 138,...

- Trường hợp khoản phải thu quá hạn đã được lập dự phòng và số lập dự phòng cao hơn hoặc bằng với số tổn thất từ việc bán nợ, ghi:

Nợ các TK 111, 112 (Theo giá bán thỏa thuận)

Nợ TK 139 - Dự phòng phải thu khó đòi (Chênh lệch giá trị ghi sổ của khoản nợ và giá bán)

Có các TK 131, 138,...

7. Kế toán xử lý các khoản nợ phải trả trước khi chuyển thành Công ty cổ phần

Trước khi chuyển thành công ty cổ phần, doanh nghiệp cổ phần hoá phải xử lý các khoản nợ phải trả, tùy thuộc từng khoản nợ và quyết định xử lý, kế toán ghi sổ như sau:

- Đối với các khoản nợ phải trả nhưng không phải thanh toán mà được hạch toán tăng vốn nhà nước, ghi:

Nợ các TK 331, 338, ...

Có TK 411 - Nguồn vốn kinh doanh (4111).

- Đối với các khoản nợ vay Ngân hàng thương mại Nhà nước và Ngân hàng Phát triển Việt Nam đã quá hạn nhưng do doanh nghiệp bị lỗ, không còn vốn nhà nước, không thanh toán được, doanh nghiệp phải làm các thủ tục, hồ sơ